

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	07-08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	09-37

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chính Đại	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên
Ông Đoàn Thế Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Anh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ An Minh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		339.465.063.320	552.556.407.235
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.854.090.586	58.330.237.013
1. Tiền	111		6.854.090.586	58.330.237.013
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	172.782.950	36.831.019.925
1. Chứng khoán kinh doanh	121		635.025.369	8.606.464.744
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(462.242.419)	(1.775.444.819)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	30.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		315.093.447.651	448.564.297.213
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	346.738.528.146	455.482.972.650
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.157.845.479	8.169.317.678
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	25.760.020.220	33.695.866.823
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(61.562.946.194)	(48.783.859.938)
IV. Hàng tồn kho	140	10	16.619.640.216	8.614.485.604
1. Hàng tồn kho	141		16.619.640.216	8.614.485.604
1. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		725.101.917	216.367.480
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	314.167.346	77.377.859
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		321.397.834	97.080.707
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	89.536.737	41.908.914
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		864.619.550.395	576.437.319.001
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		220.000.000	220.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	220.000.000	220.000.000
II. Tài sản cố định	220		2.995.875.083	4.689.827.153
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.945.875.147	4.630.452.214
- Nguyên giá	222		30.263.386.064	30.263.386.064
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.317.510.917)	(25.632.933.850)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	49.999.936	59.374.939
- Nguyên giá	228		342.500.000	342.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(292.500.064)	(283.125.061)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	1.363.636.364	1.363.636.364
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.363.636.364	1.363.636.364
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	860.040.038.948	570.163.855.484
1. Đầu tư vào công ty con	251		776.162.326.215	553.340.364.504
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		71.600.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.550.000.000	30.550.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(18.272.287.267)	(13.726.509.020)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.204.084.613.715	1.128.993.726.236

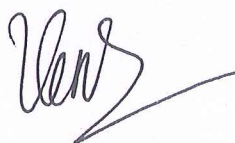
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)


Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		511.459.557.174	514.200.964.879
I. Nợ ngắn hạn	310		343.990.071.714	514.144.149.879
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	285.679.722.225	458.303.277.972
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	48.645.600.503	46.758.321.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	46.303.666	5.016.580.543
4. Phải trả người lao động	314		361.458.111	760.373.539
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.234.150.069	2.525.431.867
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6.022.837.140	780.164.840
II. Nợ dài hạn	330		167.469.485.460	56.815.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	15	132.912.670.460	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	18	56.815.000	56.815.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	34.500.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		692.625.056.541	614.792.761.357
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	692.625.056.541	614.792.761.357
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		524.267.230.000	524.267.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		524.267.230.000	524.267.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		821.616.000	821.616.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.192.087.059	8.192.087.059
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		159.344.123.482	81.511.828.298
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		76.269.155.998	60.206.668.241
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		83.074.967.484	21.305.160.057
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.204.084.613.715	1.128.993.726.236


Lê Thị Nhung
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng

 Nguyễn Văn Phúc
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/09/2021

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

Từ ngày 01/01/2020

đến ngày 30/09/2020

VND

Quý 3/2020

Từ ngày 01/01/2021

đến ngày 30/09/2021

VND

Quý 3/2021

Thuyết

minh

Mã

số

CHỈ TIÊU

01	22	139.522.589.440	423.282.028.005	59.226.090.690	521.962.187.740
02					
10	23	139.522.589.440	423.282.028.005	59.226.090.690	521.962.187.740
11	23	130.922.010.915	411.055.112.970	56.658.801.205	447.405.582.193
20		8.600.578.525	12.226.915.035	2.567.289.485	74.556.605.547
21	24	156.120.733	105.232.070.560	1.208.794.602	4.140.647.670
22	25	527.120.409	16.316.348.118	(5.160.559.673)	47.194.070.449
23		523.068.493	1.184.245.205	1.605.092.386	5.767.997.155
26	26	2.014.123.230	18.089.375.671	2.881.611.490	6.002.638.551
30		6.215.455.619	83.053.261.806	6.055.032.270	25.500.544.217
31	27	28.043.521.863	66.276.790.531	5.220.589.504	20.046.068.395
32	28	28.081.925.536	66.255.084.853	4.842.930.584	19.633.168.873
40		(38.403.673)	21.705.678	377.658.920	412.899.522
50		6.177.051.946	83.074.967.484	6.432.691.190	25.913.443.739
51	29			1.315.258.782	5.240.169.564
60		6.177.051.946	83.074.967.484	5.117.432.408	20.673.274.175

Lê Thị Nhung
Người lậpPhan Dương Mạnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phúc

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/09/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021	Từ ngày 01/01/2020
			đến ngày 30/09/2021	đến ngày 30/09/2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		83.074.967.484	25.913.443.739
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.693.952.070	1.792.340.439
- Các khoản dự phòng	03		16.011.662.103	8.160.969.962
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		835.457.216	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(105.078.698.932)	863.759.328
- Chi phí lãi vay	06		1.184.245.205	1.605.092.386
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.278.414.854)	38.335.605.854
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		118.682.923.829	(249.149.365.347)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.005.154.612)	10.876.777.536
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(37.838.911.022)	204.056.322.379
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(236.789.487)	(66.299.132)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		7.971.439.375	38.682.409.275
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.605.092.386)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.970.276.877)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(994.549.598)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		73.324.816.352	40.135.808.581
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(545.454.546)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	473.168.633
3 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.000.000.000	5.000.000.000
4 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(294.421.961.711)	(147.882.915.561)
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		105.120.998.932	149.330.567
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(159.300.962.779)	(142.805.870.907)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	95.813.910.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		41.000.000.000	9.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.500.000.000)	(795.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		34.500.000.000	104.018.910.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/09/2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021	Từ ngày 01/01/2020
			đến ngày 30/09/2021	đến ngày 30/09/2020
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ kế toán (50=20+30+40)	50		(51.476.146.427)	1.348.847.674
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ kế toán	60		58.330.237.013	10.807.089.288
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ kế toán (70=50+60+6)	70	5	<u>6.854.090.586</u>	<u>12.155.936.962</u>

Lê Thị Nhung
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười sáu ngày 03 tháng 06 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 524.267.230.000 đồng, vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 524.267.230.000 đồng; tương đương 52.426.723 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp 1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Lai Châu	Hoạt động xây lắp

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ /hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ kế toán:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy vi tính

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

Bằng sáng chế và thương hiệu

Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ kế toán, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm Khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ kế toán không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	2.598.091.645	175.460.113
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.255.998.941	58.154.776.900
	6.854.090.586	58.330.237.013

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Các khoản đầu tư khác	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu	635.025.369	172.782.950	8.606.464.744	9.798.010.550
SDA	-	-	2.963.994.800	1.733.330.000
CYC	343.331.194	127.845.000	343.331.194	47.350.000
MHC	291.694.175	44.937.950	5.008.009.375	7.975.000.000
Cổ phiếu khác	-	-	291.129.375	42.330.550
	635.025.369	172.782.950	8.606.464.744	9.798.010.550
Dự phòng	-	-	-	-
	-	-	(462.242.419)	(1.775.444.819)
	-	-	(215.486.194)	(1.230.664.800)
	-	-	(246.756.225)	(295.981.194)
	-	-	(248.798.825)	-
	-	-	(462.242.419)	(248.798.825)
	-	-	(1.775.444.819)	(1.775.444.819)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	776.162.326.215	757.890.038.948	(18.272.287.267)	553.340.364.504	539.613.855.484	(13.726.509.020)
Công ty Cổ phần SCI E&C	144.571.250.000	144.571.250.000	-	71.366.250.000	71.366.250.000	-
Công ty TNHH SCI Nghệ An	223.641.076.215	205.368.788.948	(18.272.287.267)	118.749.826.215	105.023.317.195	(13.726.509.020)
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	6.500.000.000	6.500.000.000	-	6.500.000.000	6.500.000.000	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	401.450.000.000	401.450.000.000	-	356.724.288.289	356.724.288.289	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	71.600.000.000	71.600.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8	71.600.000.000	71.600.000.000	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	30.550.000.000	30.550.000.000	-	30.550.000.000	30.550.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550.000.000	550.000.000	-	550.000.000	550.000.000	-
Công ty Cổ phần hạ tầng và phát triển đô thị Fecon	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
	878.312.326.215	860.040.038.948	(18.272.287.267)	583.890.364.504	570.163.855.484	(13.726.509.020)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/09/2021 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần SCI E&C	Hà Nội	59,06%	59,06%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Nghệ An	79,54%	79,45%	Xây dựng thủy điện
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Hà Nội	65,00%	65,00%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Lai Châu	99,99%	99,99%	Xây dựng thủy điện

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/09/2021 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8	Quảng Trị	20,00%	20,00%	Xây dựng điện gió

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ kế toán: xem chi tiết tại Thuyết minh số 34.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần SCI E&C	9.035.780.333	6.442.761.320
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	26.835.521	3.039.679.073
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	79.751.883.066	87.494.043.894
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	16.020.552.948	16.020.552.948
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	4.858.120.349	4.858.120.349
Nam Sam 3 Power Company Limited	226.276.704.579	325.151.157.630
Các khoản phải thu khách hàng khác	10.768.651.350	12.476.657.436
	346.738.528.146	455.482.972.650

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi,	-	-	42.300.000	-
Phải thu về KPCĐ	6.451.250	-	6.451.250	-
Phải thu về bảo hiểm xã	1.572.398	-	-	-
Tạm ứng	3.773.817.657	-	3.290.066.355	-
Ký cược, ký quỹ	16.000.000	-	16.000.000	-
Phải thu Công ty CP SCI E&C	5.726.190.753	-	13.589.429.480	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt	729.324	-	11.097.580	-
Phải thu khác	16.235.258.838	-	16.740.522.158	(4.556.156.954)
	25.760.020.220	-	33.695.866.823	(4.556.156.954)
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	220.000.000	-	220.000.000	-
	220.000.000	-	220.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

9 . NỢ XẤU

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	105.368.301.171	43.805.354.977	109.364.230.129	60.580.370.191
Ban điều hành Dự án thủy điện Sơn La	16.020.552.948	-	16.020.552.948	-
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	79.751.883.066	41.702.974.046	79.751.883.066	54.688.199.148
Đối tượng khác	9.595.865.157	2.102.380.931	13.591.794.115	5.892.171.043
	105.368.301.171	43.805.354.977	109.364.230.129	60.580.370.191

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	444.394.650	-	444.394.650	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.175.245.566	-	8.170.090.954	-
	16.619.640.216	-	8.614.485.604	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.363.636.364	1.363.636.364
Dự án Điện gió Quảng Trị	1.363.636.364	1.363.636.364
	1.363.636.364	1.363.636.364

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2021	19.963.241.095	10.202.967.696	97.177.273	30.263.386.064
Tại ngày 30/09/2021	19.963.241.095	10.202.967.696	97.177.273	30.263.386.064
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2021	16.994.861.549	8.540.895.028	97.177.273	25.632.933.850
Trích khấu hao	827.100.387	857.476.680	-	1.684.577.067
Tại ngày 30/09/2021	17.821.961.936	9.398.371.708	97.177.273	27.317.510.917
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2021	2.968.379.546	1.662.072.668	-	4.630.452.214
Tại ngày 30/09/2021	2.141.279.159	804.595.988	-	2.945.875.147

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.083.009.815 đồng.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu, thương hiệu	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	250.000.000	92.500.000	342.500.000
Tại ngày 30/09/2021	250.000.000	92.500.000	342.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	190.625.061	92.500.000	283.125.061
Trích khấu hao	9.375.003	-	9.375.003
Tại ngày 30/09/2021	200.000.064	92.500.000	292.500.064
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	59.374.939	-	59.374.939
Tại ngày 30/09/2021	49.999.936	-	49.999.936

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	57.166.975	77.377.859
Chi phí đi vay	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	257.000.371	-
	314.167.346	77.377.859

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty CP SCI E&C	274.080.011.238	274.080.011.238	448.146.226.400	422.160.772.466
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	1.233.218.017	1.233.218.017	1.803.797.752	1.803.797.752
Công ty CP Tư Vấn SCI	1.017.297.464	1.017.297.464	84.906.908	84.906.908
Các khoản phải trả khác	9.349.195.506	9.349.195.506	8.268.346.912	8.268.346.912
	285.679.722.225	285.679.722.225	458.303.277.972	432.317.824.038
b) Phải trả người bán dài hạn				
Công ty CP SCI E&C	132.912.670.460	78.019.865.200	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
	132.912.670.460	78.019.865.200	-	-

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Nam Sam 3 Power Company Limited	46.275.696.105	46.275.696.105
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	2.369.904.397	-
Các đối tượng khác	1	482.625.013
	48.645.600.503	46.758.321.118

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ kế toán	Số phải nộp đầu kỳ kế toán	Số phải nộp trong kỳ kế toán	Số đã thực nộp trong kỳ kế toán	Số phải thu cuối kỳ kế toán	Số phải nộp cuối kỳ kế toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	16.101.987	46.303.666	20.659.644	4.557.657	-	46.303.666
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.970.276.877	-	4.970.276.877	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	25.806.927	-	323.530.912	387.260.722	89.536.737	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	41.908.914	5.016.580.543	348.190.556	5.366.095.256	89.536.737	46.303.666

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/09/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	190.530.890	191.275.070
Bảo hiểm xã hội	-	26.553.115
Thù lao Hội đồng quản trị	-	170.546.808
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.043.619.179	2.137.056.874
	<u><u>3.234.150.069</u></u>	<u><u>2.525.431.867</u></u>
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
	<u><u>56.815.000</u></u>	<u><u>56.815.000</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	01/01/2021		Trong kỳ kế toán		30/09/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay Công ty CP SCI Nghệ An (*)	-	-	31.000.000.000	4.500.000.000	26.500.000.000	26.500.000.000
Trái Vay Công ty CP Tư Vấn SCI (*)	-	-	10.000.000.000	2.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	-	-	41.000.000.000	6.500.000.000	34.500.000.000	34.500.000.000

(*) Khoản vay Công ty CP SCI Nghệ An theo hợp đồng số 20210201/SCINA-SCI và Công ty CP Tư Vấn SCI theo hợp đồng 2021/2704/SCI-PMC với lãi suất 6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI
Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2020					
Tại ngày 01/01/2020	428.292.770.000	982.166.000	8.192.087.059	60.206.668.241	497.673.691.300
Tăng vốn trong kỳ trước	95.974.460.000	(160.550.000)	-	-	95.813.910.000
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	21.305.160.057	21.305.160.057
Tại ngày 31/12/2020	524.267.230.000	821.616.000	8.192.087.059	81.511.828.298	614.792.761.357
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/09/2021					
Tại ngày 01/01/2021	524.267.230.000	821.616.000	8.192.087.059	81.511.828.298	614.792.761.357
Lãi/lỗ trong kỳ kế toán	-	-	-	83.074.967.484	83.074.967.484
Trích lập quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng theo Nghị quyết Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2021	-	-	-	(5.242.672.300)	(5.242.672.300)
Tại ngày 30/09/2021	524.267.230.000	821.616.000	8.192.087.059	159.344.123.482	692.625.056.541

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2021	Tỷ lệ	01/01/2021	Tỷ lệ
	VND	%	VND	(%)
Vốn góp của ông Nguyễn Công Hùng	109.686.690.000	20,92%	57.259.970.000	10,92%
Vốn góp của các cổ đông	414.580.540.000	79,08%	467.007.260.000	89,08%
	524.267.230.000	100%	524.267.230.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C. tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	524.267.230.000	524.267.230.000
- Vốn góp đầu kỳ kế toán	524.267.230.000	428.292.770.000
- Vốn góp tăng trong kỳ kế toán	-	95.974.460.000
- Vốn góp cuối kỳ kế toán	524.267.230.000	524.267.230.000
d) Cổ phiếu	30/09/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	52.426.723	52.426.723
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	52.426.723	52.426.723
- Cổ phiếu phổ thông	52.426.723	52.426.723
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.426.723	52.426.723
- Cổ phiếu phổ thông	52.426.723	52.426.723
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.192.087.059	8.192.087.059
	8.192.087.059	8.192.087.059
21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
Ngoại tệ các loại	30/09/2021	01/01/2021
Đồng đô la Mỹ (USD)	417,07	2.462.583,74
Đồng Lak	650.622.141,00	421.658.269,00
22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	2.653.243.000	3.132.386.084
Doanh thu hợp đồng xây dựng	420.628.785.005	518.829.801.656
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ kế	420.628.785.005	518.829.801.656
	423.282.028.005	521.962.187.740
Doanh thu đối với các bên liên quan	423.282.028.005	3.603.016.586
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)		

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.397.172.984	1.495.561.353
Giá vốn hợp đồng xây dựng	409.657.939.986	445.910.020.840
	411.055.112.970	447.405.582.193

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	29.523.932	67.680.967
Lãi bán các khoản đầu tư	-	1.219.789.466
Cổ tức, lợi nhuận được chia	105.049.175.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	153.371.628	2.853.177.237
	105.232.070.560	4.140.647.670

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.184.245.205	5.767.997.155
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	2.828.261.063	29.320.971.664
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ kế toán	8.967.032.294	3.908.848.947
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	3.232.575.847	8.160.969.962
Chi phí tài chính khác	104.233.709	35.282.721
	16.316.348.118	47.194.070.449

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	305.183.608	291.519.565
Chi phí nhân công	3.003.019.055	3.664.614.581
Chi phí khấu hao tài sản cố định	296.779.086	296.779.086
Thuế, phí, lệ phí	114.677.920	90.847.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.170.345.181	1.001.094.880
Chi phí khác bằng tiền	420.284.565	657.783.032
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	12.779.086.256	-
	18.089.375.671	6.002.638.551

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

27 . THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	473.168.633
Phí bảo hiểm rủi ro dân dự tự nguyện của công trình Nam Sam kì 1	19.765.730.040	-
Thu nhập từ bán vật tư phục vụ công trình Nam Sam 3	26.139.627.383	14.886.043.408
Thu nhập từ tiền điện phục vụ công trình Nam Sam 3	16.599.335.287	-
Thu nhập khác	3.772.097.821	4.686.856.354
	66.276.790.531	20.046.068.395

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	322.909.728
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	112.203.758	287.404.083
Phí bảo hiểm rủi ro dân dự tự nguyện của công trình Nam Sam kì 1	19.765.730.040	-
Chi phí tiền điện phục vụ công trình Nam Sam 3	16.599.335.287	-
Chi phí mua vật tư phục vụ công trình Nam Sam 3	26.141.580.189	14.925.011.411
Chi phí khác	3.636.235.579	4.097.843.651
	66.255.084.853	19.633.168.873

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	83.074.967.484	25.913.443.739
Các khoản điều chỉnh tăng	112.203.758	287.404.083
- Chi phí không hợp lệ	112.203.758	287.404.083
Các khoản điều chỉnh giảm	(105.049.175.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(105.049.175.000)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(21.862.003.758)	26.200.847.822
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	5.240.169.564

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	305.183.608	291.519.565
Chi phí nhân công	3.879.228.285	3.664.614.581
Chi phí khấu hao tài sản cố định	418.480.837.438	1.792.340.439
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.170.345.181	437.529.899.537
Chi phí khác bằng tiền	535.962.485	658.783.032
	424.371.556.997	443.937.157.154

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.854.090.586	-	58.330.237.013	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	372.718.548.366	(61.562.946.194)	489.398.839.473	(48.783.859.938)
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	635.025.369	(462.242.419)	38.606.464.744	(1.775.444.819)
Đầu tư dài hạn	102.150.000.000	-	30.550.000.000	-
	482.357.664.321	(62.025.188.613)	616.885.541.230	(50.559.304.757)
			Giá trị sổ kế toán	
			30/09/2021	01/01/2021
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			34.500.000.000	-
Phải trả người bán, phải trả khác			421.883.357.754	460.885.524.839
Chi phí phải trả			-	-
			456.383.357.754	460.885.524.839

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 30/09/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.854.090.586	-	-	6.854.090.586
Phải thu khách hàng, phải thu khác	310.935.602.172	220.000.000	-	311.155.602.172
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	172.782.950	-	-	172.782.950
Đầu tư dài hạn	-	102.150.000.000	-	102.150.000.000
	<u>317.962.475.708</u>	<u>102.370.000.000</u>	<u>-</u>	<u>420.332.475.708</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.330.237.013	-	-	58.330.237.013
Phải thu khách hàng, phải thu khác	440.394.979.535	220.000.000	-	440.614.979.535
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	36.831.019.925	-	-	36.831.019.925
Đầu tư dài hạn	-	30.550.000.000	-	30.550.000.000
	<u>535.556.236.473</u>	<u>30.770.000.000</u>	<u>-</u>	<u>566.326.236.473</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/09/2021				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải	288.913.872.294	167.469.485.460	-	456.383.357.754
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	<u>288.913.872.294</u>	<u>167.469.485.460</u>	<u>-</u>	<u>456.383.357.754</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải	460.828.709.839	56.815.000	-	460.885.524.839
	<u>460.828.709.839</u>	<u>56.815.000</u>	<u>-</u>	<u>460.885.524.839</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 99% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	752.788.000	422.529.240.005	423.282.028.005
Tài sản bộ phận	898.056.026.070	306.028.587.645	1.204.084.613.715
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	Từ ngày 01/01/2021 đến	Từ ngày 01/01/2020
		ngày 30/09/2021	đến ngày 30/09/2020
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	36.558.050	140.212.065
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	1.446.801.819	485.715.315
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con	-	401.949
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	67.099.139.046	15.170.594.223
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	3.032.390.556	7.621.032.510
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	404.912.802.219	356.694.932.323
Góp vốn			
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	44.725.711.711	152.474.288.289
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	73.205.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8	Công ty liên kết	71.600.000.000	-
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con	104.891.250.000	-
Tiền vay			
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con	26.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	8.000.000.000	-
Lãi đi vay vốn			
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con	1.089.698.630	-
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	222.246.575	-
Cổ tức, lợi nhuận nhận được			
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	105.049.175.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/09/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	26.835.521	3.039.679.073
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	855.436.798	1.379.276.168
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con	-	213.143.460
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	9.035.780.333	6.442.761.320
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	406.992.681.698	448.146.226.400
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	1.017.297.464	84.906.908
Phải thu khác			
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	5.726.190.753	13.589.429.480

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C. tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.446.570.673	1.226.639.727
Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc và Hội đồng quản trị		
Nguyễn Công Hùng	360.000.000	360.000.000
Nguyễn Chính Đại	72.000.000	72.000.000
Đoàn Thế Anh	72.000.000	72.000.000
Nguyễn Minh Hùng	56.000.000	72.000.000
Nguyễn Văn Phúc	577.873.000	520.109.409
Phạm Văn Nghĩa	149.403.000	130.530.318
Nguyễn Văn Độ	77.158.667	-
Vũ An Minh	66.136.006	
Nguyễn Việt Anh	16.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

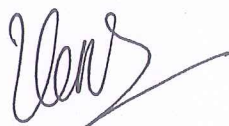
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

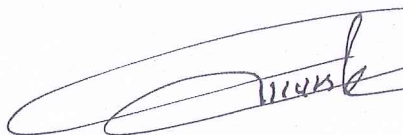
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và số liệu số liệu so sánh Báo cáo kết quả kinh doanh của 9 tháng đầu năm 2020 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).



Lê Thị Nhung
Người lập



Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2021